TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2019/QĐST-HNGĐ	*Sóc Trăng, ngày 20 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Trương Thị Thu T, sinh năm: 1977; HKTT: đường K, khóm E, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Nguyễn Huỳnh L, sinh năm: 1979; HKTT: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ngày 19/4/2012. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về kinh tế và về áp lực từ gia đình ông L. Mặc dù gia đình hai bên biết mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà nhưng để cho ông bà tự quyết định. Từ khi ông bà xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, ông bà không có gửi đơn yêu cầu địa phương hòa giải về tình trạng hôn nhân cho ông bà. Ông bà đã sống ly thân từ giữa năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Nay ông bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà. Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ giữa năm 2017 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn

cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L.

[2]. Về con chung: bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L trình bày, ông bà có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Lan A (giới tính: nữ), sinh ngày 03/12/2013. Sau khi ly hôn, bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L thống nhất giao cháu Nguyễn Ngọc Lan A cho bà Trương Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lan A đủ 18 tuổi. Hiện cháu Lan A do bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L thống nhất hàng tháng ông Nguyễn Huỳnh L đóng góp cho bà Trương Thị Thu T số tiền 1.000.000 đồng để cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Lan A cho đến khi cháu Lan A đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2019.

Xét thấy, việc thoả thuận người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con của ông bà phù hợp với pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bên và phù hợp với Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Ông Nguyễn Huỳnh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Lan A mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét

[4]. Về nợ chung: bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét

[5]. Về lệ phí Tòa án: bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L trình bày, ông bà có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Lan A (giới tính: nữ), sinh ngày 03/12/2013. Sau khi ly hôn, bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L thống nhất giao cháu Nguyễn Ngọc Lan A cho bà Trương Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lan A đủ 18 tuổi. Hiện cháu Lan A do bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L thống nhất hàng tháng ông Nguyễn Huỳnh L đóng góp cho bà Trương Thị Thu T số tiền 1.000.000 đồng để cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Lan A cho đến khi cháu Lan A đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2019.

Ông Nguyễn Huỳnh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Lan A mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Huỳnh L đã nộp theo biên lai thu số 0004870 và 0004869 cùng ngày 11/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, Sóc Trăng. Bà T và ông L đã nộp tạm ứng xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Uyên